

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Bộ tiêu chí thành phố Cần Thơ
về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới thành phố Cần Thơ tại Tờ trình số 74/TTr-VPĐPNTM ngày 08 tháng 9 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí thành phố Cần Thơ về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

Bộ tiêu chí là căn cứ để xây dựng nội dung Chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Nhiệm vụ của các Sở, ban ngành thành phố, địa phương

1. Các Sở, ban ngành thành phố theo chức năng quản lý nhà nước hướng dẫn thực hiện đối với các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí thành phố Cần Thơ về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; chịu trách nhiệm cập nhật các hướng dẫn mới của các Bộ, ngành Trung ương để hướng dẫn triển khai phù hợp với tình hình thực tế của thành phố.

2. Giao Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới thành phố Cần Thơ

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố hàng năm tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao sau đạt chuẩn trên địa bàn để đảm bảo phát triển nông thôn bền vững.

- Tổng hợp, tham mưu trình UBND thành phố ban hành hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí thành phố Cần Thơ về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

Trong quá trình triển khai thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí nêu trên, nếu có vấn đề mới phát sinh, Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới thành phố Cần Thơ chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành thành phố, địa phương có liên quan kịp thời nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện, tham mưu trình UBND thành phố xem xét, điều chỉnh, bổ sung Bộ tiêu chí nêu trên, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn.

3. Ủy ban nhân dân huyện căn cứ Bộ tiêu chí thành phố Cần Thơ về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 chỉ đạo các xã rà soát, đánh giá thực trạng và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

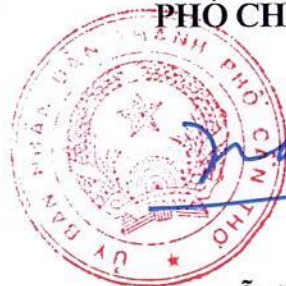
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1651/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở, ban ngành thành phố, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố giai đoạn 2021 - 2025, Chủ tịch UBND huyện, Chủ tịch UBND xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT. Thành ủy;
- TT. HĐND thành phố;
- CT, PCT UBND thành phố (1);
- UBMT Tổ quốc Việt Nam thành phố;
- VP. UBND thành phố (2C,3B);
- Lưu: VT.HN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Hà



**BỘ TIÊU CHÍ TP. CẦN THƠ VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3430/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2022)

XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2021 - 2025:

1. Là xã đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí thành phố Cần Thơ về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025).
2. Đạt các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025, bao gồm:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu TP. Cần Thơ
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch	Đạt
		1.2. Có quy chế và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch	Đạt
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên	Đạt
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định	100%
		2.2. Tỷ lệ đường ấp và đường liên ấp	Được cứng hóa và bảo trì hàng năm
			Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	≥ 90%
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa	100% (nếu có)
3	Thủy lợi và phòng, chống	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	100%

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu TP. Cần Thơ
	thiên tai	3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững	Đạt
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	$\geq 35\%$
		3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	Đạt
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Tốt
4	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	$\geq 99\%$
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	100%
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS	Mức độ 3
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại	Tốt
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	≥ 1
6	Văn hóa	6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	Đạt
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu TP. Cần Thơ
		6.3. Tỷ lệ áp dụng tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới		100%
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm		Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân		Đạt
		8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh		80%
		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông		Đạt
		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới		Đạt
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)		Đạt
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố		$\geq 79,6\%$ (theo chương trình phát triển nhà ở của TP. Cần Thơ)
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)	Năm 2021	≥ 60
			Năm 2022	≥ 64
			Năm 2023	≥ 68
			Năm 2024	≥ 72
			Năm 2025	≥ 76
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025		$< 2,5\%$
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		$\geq 75\%$
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		$\geq 30\%$

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu TP. Cần Thơ
		12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn	Đạt
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định	≥ 1
		13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn	≥ 1
		13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm	≥ 1
		13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	≥ 1
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	$\geq 10\%$
		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng	Đạt
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)	≥ 1
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 95\%$
		14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 90\%$
		14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 40\%$
		14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	$\geq 70\%$
15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính (<i>ký số kết quả hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính</i>)	Đạt
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Đạt
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu TP. Cần Thơ
16	Tiếp cận pháp luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận	≥ 1
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành	$\geq 90\%$
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	$\geq 90\%$
17	Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 95\%$
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	$\geq 35\%$
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 50\%$
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%
		17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	$\geq 80\%$
		17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	$\geq 85\%$
		17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Đạt (Theo Quyết định số 1036/QĐ-UBND ngày 14/4/2017)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu TP. Cần Thơ
		17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng		≥ 10%
		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn		≥ 4m ² /người
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định		≥ 70%
18	Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung (Xã không thuộc khu vực III và Xã khu vực III)	Năm 2021	≥ 87%
			Năm 2022	≥ 89%
			Năm 2023	≥ 91%
			Năm 2024	≥ 93%
			Năm 2025	≥ 94%
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm (Xã không thuộc khu vực III và Xã khu vực III)		≥ 80 lít
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững (Xã không thuộc khu vực III và Xã khu vực III)		100%
		18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm		100%
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã		Đạt
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm		100%
18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch		≥ 90%		
18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường		100%		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu TP. Cần Thơ
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	Đạt
		19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt



PHỤ LỤC

Phân công các Sở, ban ngành thành phố phụ trách triển khai, hướng dẫn, đánh giá thực hiện từng tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí thành phố Cần Thơ về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3430 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2022)

TT	Sở, ban ngành phục trách	Tiêu chí và chỉ tiêu
1	Sở Xây dựng	- Tiêu chí số 1 và tiêu chí số 9; - Chỉ tiêu 17.9 và 17.10.
2	Sở Giao thông vận tải	- Tiêu chí số 2.
3	Sở Nông nghiệp và PTNT	- Tiêu chí số 3; - Chỉ tiêu 13.2; 13.3; 13.5; 13.6; 13.8; 17.7; 17.8; 17.11; 18.1; 18.2; 18.3; 18.4; 18.5 và 18.6.
4	Sở Công Thương	- Tiêu chí số 4 và tiêu chí số 7.
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Tiêu chí số 5.
6	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Tiêu chí số 6; - Chỉ tiêu 13.7.
7	Sở Thông tin và Truyền thông	- Tiêu chí số 8; - Chỉ tiêu số 15.1; 15.2.
8	Cục Thống kê thành phố	- Tiêu chí số 10.
9	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	- Tiêu chí số 11; tiêu chí số 12. - Chỉ tiêu 18.5.
10	Sở Kế hoạch và Đầu tư	- Chỉ tiêu số 13.1.
11	Sở Khoa học và Công nghệ	- Chỉ tiêu số 13.4.
12	Bảo Hiểm xã hội TP. Cần Thơ	- Chỉ tiêu 14.1.
13	Sở Y tế	- Chỉ tiêu 14.2, 14.3 và 14.4.

14	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố	- Chỉ tiêu 15.3.
15	Sở Tư pháp	- Tiêu chí số 16.
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	- Chỉ tiêu 17.1; 17.2; 17.3; 17.4; 17.5; 17.6; 17.12 và 18.8.
17	Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố	- Chỉ tiêu 18.7.
18	Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố	- Chỉ tiêu 19.1.
19	Công an thành phố	- Chỉ tiêu 19.2.